TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
GV: LÊ THỊ HOAN
Tiết PPCT : 25,26 **Ngày soạn: 15/11/2026**

BÀI 12: NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG
(Thời lượng 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.
- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thuỷ triều.
- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.
- Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về nước biển và đại dương.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

*** Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng được bản đồ, tranh ảnh để xác định được sự phân bố và hoạt động của các dòng biển trên Trái Đất, cơ chế hoạt động của sóng biển, thủy triều…

> Xác định và lí giải được sự phân bố các dòng biển, hoạt động của sóng biển, thủy triều.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được hiện tượng sóng, thủy triều và các dòng biển.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sóng biển, thủy triều và các dòng biển.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sóng, thủy triều và các dòng biển. Hiểu được vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

*NLS: Dùng công cụ AI thiết kế Poster hoặc video tuyên truyền giải pháp bảo vệ môi trường biển

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Hình thành tình yêu thiên nhiên.
- *Nhân ái:* Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia. Chia sẻ, cảm thông với khó khăn của những vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai: bão, sóng thần,...
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và đời sống.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tài nguyên, chủ quyền biển – đảo Việt Nam và môi trường biển.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: TV.

2. Học liệu: SGK, Bản đồ tự nhiên thế giới, Bản đồ các dòng biển trong đại dương trên thế giới, Hình 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 (SGK)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

* Câu hỏi 1: Trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

* Câu hỏi 2: Phân loại hồ theo nguồn gốc hình thành.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS nhớ lại những kiến thức về sóng, nguyên nhân hình thành sóng; kiến thức về biển và đại dương đã học. Tạo hứng thú vào bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân: Trả lời câu hỏi dựa vào kiến thức đã được học về sóng.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS (Biển không tĩnh lặng hoàn toàn, vì điều này liên quan đến nhiều yếu tố tự nhiên tác động đến bề mặt nước như: gió, sóng ngầm và thủy triều, hoạt động địa chất,...).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật động não.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu hình ảnh về biển. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Thỉnh thoảng ta vẫn nghe nói "Biển lặng". Có bao giờ biển hoàn toàn tĩnh lặng không? Vì sao?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tính chất của nước biển và đại dương

a) Mục tiêu: Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo nhóm để tìm hiểu một số tính chất của nước biển và đại dương.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
1. Tính chất của nước biển và đại dương **a. Độ muối** - Nước biển có nhiều chất hòa tan, nhiều nhất là các muối khoáng. Độ muối trung bình của nước biển là 35‰. - Độ muối tăng hay giảm phụ thuộc vào lượng bốc hơi, lượng mưa và lượng nước sông đổ vào. - Độ muối còn thay đổi theo vĩ độ. - Độ muối cũng thay đổi khá phức tạp theo độ sâu. **b. Nhiệt độ** - Chế độ nhiệt của nước biển điều hoà hơn chế độ nhiệt của không khí. Nhiệt độ trung bình khoảng 17°C. - Nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa trong năm. - Nhiệt độ nước biển giảm dần từ Xích đạo về hai cực. - Nhiệt độ nước biển cũng thay đổi theo độ sâu.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp thảo luận nhóm.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin, hãy trình bày độ muối của nước biển và đại dương.

* Nhóm 2, 4: Đọc thông tin, hãy trình bày nhiệt độ của nước biển và đại dương.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sóng, thủy triều, dòng biển

Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu sóng biển

a) Mục tiêu: Giải thích được hiện tượng sóng biển.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về sóng biển.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
2. Sóng, thủy triều, dòng biển **a. Sóng biển** - Sóng biển: + Khái niệm: Sóng biển là sự dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng. + Nguyên nhân: Sóng phát sinh chủ yếu là do gió. Gió càng mạnh, sóng càng lớn. - Sóng thần: + Khái niệm: Sóng thần là một dạng sóng dài đặc biệt, lan truyền theo phương ngang, với tốc độ lớn, vào đến bờ có thể cao trên 20 m. + Nguyên nhân: Hoạt động động đất, núi lửa.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

* Câu hỏi: Đọc thông tin, hãy trình bày hiện tượng sóng biển và giải thích.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 03 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2.2. Tìm hiểu thủy triều, dòng biển

a) Mục tiêu:

- Giải thích được hiện tượng thủy triều.
- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.
- Phân tích được bản đồ và hình vẽ về thuỷ triều và dòng biển.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về thủy triều và dòng biển.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
2. Sóng, thủy triều, dòng biển **b. Thủy triều** - Khái niệm: Thuỷ triều là hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hằng ngày. - Nguyên nhân: chủ yếu do lực hấp dẫn của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất. - Biểu hiện: Thuỷ triều lên xuống với biên độ thay đổi theo không gian và thời gian. + Khi ba thiên thể Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất thẳng hàng, biên độ nước dâng lớn, gọi là triều cường. + Khi ba thiên thể nằm trên hai đường vuông góc, biên độ nước dâng nhỏ, gọi là triều kém. **c. Dòng biển** - Khái niệm: Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương. - Nguyên nhân: chủ yếu do các loại gió thường xuyên hoặc sự chênh lệch nhiệt độ, độ muối,... giữa các vùng biển khác nhau. - Biểu hiện: + Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh. • Dòng biển nóng xuất phát từ vùng vĩ độ thấp chảy về vùng vĩ độ cao. • Dòng biển lạnh xuất phát từ vùng vĩ độ cao chảy về vùng vĩ độ thấp. + Ở vùng gió mùa, xuất hiện các dòng biển thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp thảo luận nhóm.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP
2. Sóng, thủy triều, dòng biển **b. Thủy triều** - Khái niệm: - Nguyên nhân: - Biểu hiện: **c. Dòng biển** - Khái niệm: - Nguyên nhân: - Biểu hiện:

* Nhóm 1, 3: Trình bày về hiện tượng thủy triều.

* Nhóm 2, 4: Trình bày về dòng biển.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu vai trò của biển, đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu: Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
3. Vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội - Biển và đại dương có vai trò to lớn đối với phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt là trong thời đại ngày nay: + Cung cấp nguồn tài nguyên quý giá: tài nguyên sinh vật biển; tài nguyên khoáng sản biển (dầu mỏ, khí thiên nhiên, muối biển,...); năng lượng sóng biển, thuỷ triều,... + Biển và đại dương là môi trường cho các hoạt động kinh tế – xã hội: đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển,... + Biển và đại dương góp phần điều hoà khí hậu, đảm bảo sự đa dạng sinh học. - Tuy nhiên, tài nguyên biển là có hạn và dễ bị tổn thương. Vì vậy, con người cần khai thác biển và đại dương một cách hợp lí và bền vững.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

* Câu hỏi: Đọc thông tin, hãy nêu vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 03 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a)Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS.

*NLS: Dùng công cụ AI thiết kế Poster hoặc video tuyên truyền giải pháp bảo vệ môi trường biển

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu hỏi 1: Giải thích sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối của các biển và đại dương.

Câu hỏi 2: Phân biệt ba dạng vận động của nước biển: sóng, thuỷ triều, dòng biển.

Câu hỏi 3: Em hãy dùng công cụ AI thiết kế Poster hoặc video tuyên truyền giải pháp bảo vệ môi trường biển

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Câu hỏi 1: Giải thích sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối của các biển và đại dương.

* Sự khác biệt về nhiệt độ:

Nhiệt độ nước biển thay đổi phụ thuộc vào vĩ độ, mùa trong năm và độ sâu:

- Theo vĩ độ: Nước biển ấm nhất ở vùng Xích đạo và lạnh dần về hai cực. Vùng đới nóng có nhiệt độ trung bình từ 27 – 28 °C, ôn đới giảm còn 15 – 16 °C, và đới lạnh xuống dưới 1 °C. Nguyên nhân do vùng vĩ độ thấp nhận được nhiều tia nắng mặt trời hơn vùng vĩ độ cao.
- Theo mùa: Mùa hạ có thời gian chiếu sáng dài và góc chiếu lớn nên nước biển ấm hơn mùa đông.
- Theo độ sâu: Càng xuống sâu, ánh sáng mặt trời càng ít rọi tới được nên nước biển càng lạnh dần.

* Sự khác biệt về độ muối:

Độ muối trung bình của đại dương là 35‰, nhưng trị số này thay đổi tùy theo lượng mưa, lượng bốc hơi và nước sông đổ vào:

- Theo vĩ độ:

+ Vùng chí tuyến có độ muối cao nhất (khoảng 36,8‰) vì thời tiết khô hanh, ít mưa nhưng nắng nhiều làm nước bốc hơi mạnh.

+ Vùng Xích đạo có độ muối thấp hơn (khoảng 34,5‰) do tuy nắng nóng nhưng lại có mưa rất nhiều quanh năm.

+ Vùng ôn đới và gần cực có độ muối thấp (34‰ – 35‰) do bốc hơi ít, vùng gần cực còn có băng tan chảy ra.

- Theo vị trí địa lí (biển kín và biển hở):

+ Biển kín, ít sông đổ vào nên độ muối cao.

+ Biển hở, có nhiều sông đổ nước ngọt vào, nên độ muối thấp.

Ba dạng vận động này có đặc điểm và nguyên nhân khác nhau rõ rệt.

Câu hỏi 2: Phân biệt ba dạng vận động của nước biển: sóng, thuỷ triều, dòng biển.

* Sóng biển:

- Nước dao động thẳng đứng.
- Chủ yếu do gió sinh ra.
- Nước chỉ chuyển động tại chỗ.

* Thuỷ triều:

- Nước dâng và hạ hằng ngày.
- Do lực hấp dẫn vũ trụ.
- Di chuyển theo quy luật.

* Dòng biển:

- Nước chảy thành dòng lớn.
- Do các loại gió thường xuyên.
- Nước di chuyển đi rất xa.

Câu hỏi 3: Hs về nhà làm và gửi sp cho gv hoặc báo cáo ở tiết sau.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để liên hệ ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu hỏi: Tìm hiểu thông tin, cho biết vai trò của biển đối với KT - XH nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Vùng biển Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, được xem là động lực lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ quốc phòng của đất nước.

* Vai trò đối với phát triển kinh tế:

- Phát triển ngành thủy sản: Cung cấp nguồn hải sản dồi dào cho đời sống và phục vụ xuất khẩu hàng đầu thế giới.
- Khai thác khoáng sản biển: Trữ lượng dầu mỏ, khí đốt lớn đảm bảo an ninh năng lượng và nguồn thu ngân sách.
- Phát triển du lịch biển: Đường bờ biển dài với nhiều bãi tắm đẹp thu hút hàng triệu khách du lịch.
- Giao thông vận tải biển: Tuyến hàng hải huyết mạch giúp giao thương quốc tế mở rộng dễ dàng, từ đó thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

* Vai trò đối với đời sống xã hội và môi trường:

- Tạo sinh kế bền vững: Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho hàng triệu người dân ven biển.
- Hình thành đô thị mới: Thúc đẩy xây dựng các thành phố, khu kinh tế ven biển hiện đại.

* Vai trò đối với môi trường: Điều hòa khí hậu: Mang lại độ ẩm và lượng mưa lớn, giảm bớt sự khắc nghiệt của thời tiết đất liền.

* Vai trò đối với an ninh, quốc phòng: Hệ thống tiền tiêu: Các đảo và quần đảo tạo thành lá chắn bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ, học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao ở mục b (ngoài giờ học).

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nộp sản phẩm trong thời hạn quy định của giáo viên.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của học sinh.

4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 13. Thực hành: Phân tích chế độ nước của sông Hồng.